

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 1081/2017/DS-PT
Ngày 01/12/2017
V/v Đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Trí

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Thịnh
Bà Trần Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Bà Hà Thị Thuý Hằng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20 tháng 11 và ngày 01 tháng 12 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố H, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 9 năm 2017, về tranh chấp Đòi tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 372/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân quận TB, bị kháng cáo và kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2117/2017/QĐPT-DS ngày 20/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS**

Địa chỉ: 03 NVC, Phường M, Quận N, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Xuân B, theo ủy quyền ủy ngày 18/03/2014 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Lê Phú T**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: K19 HHT, Phường MB, quận TB, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Xuân T1 - Luật sư Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và trình bày của các đương sự, nội dung vụ án như sau:

Ông Lê Phú T được Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS (viết tắt là Công ty TS) bổ nhiệm chức vụ Giám đốc chi nhánh Công ty Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS tại 1A ấp HL, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG ngày 15/5/2008, được Công ty TS giao vốn lưu động cho chi nhánh là 250.000.000 đồng và sử dụng các tài sản hiện có của chi nhánh để kinh doanh theo chế độ khoán, hàng tháng phải nộp tiền khoán về công ty. Quá trình hoạt động kinh doanh tại chi nhánh, ông Thành còn nợ công ty tiền nộp khoán theo chỉ tiêu là 140.093.176 đồng và vốn lưu động công ty giao là 250.000.000 đồng, tổng cộng là 390.093.176 đồng. Do không có khả năng thanh toán các khoản tiền trên ông Thành nộp đơn xin nghỉ việc.

Theo Biên bản họp Ban điều hành công ty ngày 02/08/2012, ông T xác nhận còn nợ Công ty TS tiền nộp khoán theo chỉ tiêu là 140.093.176 đồng, vốn lưu động do công ty giao là 250.000.000 đồng, tổng cộng là 390.093.176 đồng và khoản trả lãi. Do ông T không trả nợ, Công ty TS khởi kiện yêu cầu ông T trả lại các khoản sau:

- Tiền nộp khoán là 140.093.176 đồng, vốn lưu động công ty giao là 250.000.000 đồng, tổng cộng là 390.093.176 đồng.

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 01/6/2012 đến ngày 31/7/2017 (62 tháng) tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm. Cụ thể: $390.093.176đ \times 9\%/12 \text{ tháng} \times 62 \text{ tháng} = 181.393.327 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền vốn và lãi là: 571.486.503 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Phú T. Công ty TS chỉ chấp nhận trả cho ông Lê Phú T 04 hạng mục công trình xây dựng cơ sở hạ tầng tại Chi nhánh KG do ông T đã xây dựng gồm: Các kho số 1, 2, 3 và nâng nền sân phơi theo Biên bản định giá ngày 30/12/2016 của Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh KG thành lập, giá trị xây dựng còn lại là 175.653.606 đồng. Các yêu cầu phản tố khác của ông T Công ty TS không chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm ông Lê Phú Thành thừa nhận: Ông T được Công ty TS bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh tại thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG, được công ty giao vốn lưu động 250.000.000 đồng và sử dụng các tài sản hiện có của chi nhánh để kinh doanh theo chế độ khoán, hàng tháng nộp tiền khoán theo chỉ tiêu giao về công Ty.

Ông T không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của Công ty TS. Vì lý do điều kiện thực tế nên ông T phải dùng 250.000.000 đồng vốn lưu động do công ty giao và chi thêm 150.000.000 đồng tiền cá nhân để xây dựng cơ sở hạ tầng, việc sửa chữa được Công ty cho phép theo Biên bản họp Ban điều hành công ty ngày 02/8/2012.

Khoản tiền khoản phải nộp cho Công ty 140.093.176 đồng. Do Chi nhánh làm ăn thua lỗ nên không có tiền nộp. Ông T là người lao động làm công ăn lương, việc kinh doanh thua lỗ là do rủi ro và ảnh hưởng của thị trường, ông T không có lỗi nên không phải chịu trách nhiệm cá nhân.

Ngày 18/3/2016, ông T gửi đơn phản tố yêu cầu:

1. Công ty TS phải thanh toán cho ông 684.000.000 đồng do ông đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng chi nhánh, theo kết quả thẩm định giá trị xây dựng còn lại của Công ty TNHH Tư vấn và Thẩm định V đối với 14 hạng mục công trình. Lý do: Tại cuộc họp ngày 11/01/2011 Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đã đồng ý “công ty chấp nhận việc đã làm...” và yêu cầu ông làm hồ sơ quyết toán trước ngày 01/3/2011. Ngày 31/5/2012 ông đã bàn giao toàn bộ cơ sở hạ tầng cho công ty, công ty sử dụng khai thác và hưởng lợi từ các cơ sở hạ tầng do ông xây dựng nêu trên.

2. Công ty TS phải thanh toán các khoản từ việc hưởng lợi sử dụng khai thác các cơ sở hạ tầng do ông đầu tư nêu trên theo biên bản cuộc họp ngày 11/01/2011 giữa Hội đồng quản trị và chi nhánh là 292.500.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, ông T rút một phần phản tố về yêu cầu Công ty TS thanh toán tiền hưởng lợi sử dụng khai thác các cơ sở hạ tầng do ông T đầu tư là 292.500.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 372/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân quận TB, đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS.

2. Buộc ông Lê Phú T phải trả cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS tiền vốn 390.093.176 đ (Ba trăm chín mươi triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, một trăm bảy mươi sáu đồng), tiền lãi 181.393.327đ (Một trăm tám mươi một triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng). Tổng cộng là 571.486.503đ (Năm trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm lẻ ba đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Phú T: Buộc Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS phải trả cho ông Lê Phú T tiền xây dựng cơ sở hạ tầng là 485.171.106đ (Bốn trăm tám mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi một nghìn, một trăm lẻ sáu đồng).

4. Bù trừ nghĩa vụ, ông Lê Phú T phải trả cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS 86.315.397đ (Tám mươi sáu triệu, ba trăm mười lăm nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng).

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Kể từ khi Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Phú T chưa thi hành xong các khoản tiền trên, thì

hàng tháng ông Lê Phú T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

6. Về án phí.

6.1. Ông Lê Phú T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.257.215đ (Mười bốn triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm mười lăm đồng), nhưng được khấu trừ vào các khoản tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp gồm: 3.750.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 07426 ngày 29/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB và 15.765.600 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005607 ngày 23/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB. Ông T được hoàn lại 5.258.385đ (Năm triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng).

6.2. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS 12.663.182đ (Mười hai triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm tám mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 06689 ngày 29/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB.

Ngày 04/8/2017, Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS gửi đơn kháng cáo đồng ý trả cho ông T giá trị xây dựng còn lại 04 hạng mục do ông T đã xây dựng gồm: Các kho số 1, 2, 3 và nâng nền sân phơi theo Biên bản định giá ngày 30/12/2016 là 175.653.606 đồng. Các hạng mục xây dựng còn lại Công ty TS không chấp nhận vì công ty đã thanh toán cho ông T.

Ngày 10/8/2017, ông Lê Phú T gửi đơn kháng cáo đồng ý trả cho Công ty TS 390.093.176 đồng, không đồng ý tính lãi.

Ngày 31/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H ra Quyết định kháng nghị số: 46/QĐKN-PT kháng nghị bản án sơ thẩm về các nội dung sau:

- Cấp sơ thẩm tuyên bị đơn chịu án phí trên số tiền phải trả sau khi đã đối trừ giữa yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận là không đúng. Phải tuyên buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí đối với từng yêu cầu không được chấp nhận.

- Về tiền lãi chậm thi hành án. Cấp sơ thẩm áp dụng Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là không đúng. Phải áp dụng mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

- Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố về yêu cầu Công ty TS phải thanh toán 292.500.000 đồng do khai thác, hưởng lợi từ cơ sở hạ tầng do ông T đầu tư. Cấp sơ thẩm phải căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; Ông Lê Phú T giữ

nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên toà giữ nguyên kháng nghị; Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên toà phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Giữ nguyên Quyết kháng nghị số: 46/QĐKN-PT ngày 31/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H.

- Ông T phải thanh toán cho Công ty TS 390.093.176 đồng (Ba trăm chín mươi triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, một trăm bảy mươi sáu đồng), tiền lãi 181.393.327đ (Một trăm tám mươi một triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng). Tổng cộng là 571.486.503đ (Năm trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm lẻ ba đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Phú T: Buộc Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS phải trả cho ông Lê Phú T tiền xây dựng cơ sở hạ tầng 335.467.700đ (Ba trăm ba lăm triệu, bốn trăm sáu bảy nghìn, bảy trăm đồng). Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo các nội dung trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS và đơn kháng cáo ông Lê Phú T gửi trong hạn luật định hợp pháp theo quy định tại Điều 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Lê Phú T:

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Công ty TS:

+ Ông T đồng ý thanh toán 250.000.000 đồng vốn lưu động do Công ty giao và 140.093.176 đồng tiền khoán theo chỉ tiêu, tổng cộng là 390.093.176 đồng. Ghi nhận ý kiến của ông T.

+ Về tiền lãi: Số tiền trên là vốn lưu động do Công ty giao để kinh doanh và tiền khoán theo chỉ tiêu do Công ty giao trong quá trình hoạt động kinh doanh được ông T xác nhận tại Biên bản họp Ban điều hành công ty ngày 02/08/2012 và yêu cầu được khoan lãi. Mặt khác, số tiền này không phải quan

hệ vay nợ. Do đó, chấp nhận kháng cáo ông T về phần này, sửa án sơ thẩm ông T không phải chịu tiền lãi trên số tiền phải trả cho Công ty TS nêu trên.

[3] Về yêu cầu phản phản tố của ông T:

+ Yêu cầu Công ty TS phải thanh toán 14 hạng mục cơ sở hạ tầng do ông T đầu tư sửa chữa theo kết quả thẩm định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Thẩm định V, giá trị xây dựng còn lại là 684.000.000 đồng.

Tại cuộc họp ban điều hành công ty ngày 11/01/2011 Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty thừa nhận “Chi nhánh có xin phép công ty để đầu tư nhưng chưa được công ty chấp thuận mà tự ý làm là sai, công ty chấp nhận việc đã làm... và yêu cầu ông T làm hồ sơ quyết toán xong trước ngày 01/3/2011”. Theo hồ sơ thể hiện, trước khi xây dựng các hạng mục cơ sở hạ tầng ông T có văn bản báo cáo Ban giám đốc Công ty và được Ban giám đốc chấp thuận và cho tạm ứng tiền theo Công văn số: 48/CV ngày 27/4/2009, số tiền ứng trước theo Ủy nhiệm chi ngày 19/6/2009 và Ủy nhiệm chi ngày 20/4/2010, tổng cộng 149.703.000 đồng.

Như vậy, Công ty TS phải thanh toán cho ông T giá trị còn lại của các hạng mục hạ tầng do ông T xây dựng. Trong đó, các kho số 1, 2, 3 và nâng nền sân phơi theo Biên bản định giá ngày 30/12/2016 của Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh KG lập là 175.653.606 đồng, được công ty chấp thuận và các hạng mục còn lại theo kết quả thẩm định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Thẩm định V là 309.517.500 đồng, tổng cộng: 485.171.100 đồng - 149.703.000 đồng Công ty đã tạm ứng theo hai ủy nhiệm chi nêu trên. Công ty còn phải thanh toán cho ông T số tiền 335.467.700 (ba trăm ba lăm triệu, bốn trăm sáu bảy nghìn, bảy trăm đồng).

Do đó, sửa án sơ thẩm chấp nhận một phần phản tố của ông Lê Phú T. Buộc Công ty TS phải thanh toán cho ông T giá trị còn lại của các hạng mục hạ tầng do ông T xây dựng là 335.467.700 (ba trăm ba lăm triệu, bốn trăm sáu bảy nghìn, bảy trăm đồng).

[4] Đối với kháng cáo của Công ty TS về việc chỉ đồng ý trả cho ông T giá trị xây dựng các kho số 1, 2, 3 và nâng nền sân phơi theo Biên bản định giá ngày 30/12/2016 của Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh KG lập là 175.653.606 đồng. Các hạng mục xây dựng còn lại Công ty TS không chấp nhận vì Công ty đã thanh toán cho ông T.

Như đã nhận định trên, trước khi xây dựng các hạng mục cơ sở hạ tầng ông T đều có văn bản xin ý kiến ban lãnh đạo Công ty và được Ban giám đốc chấp thuận và cho tạm ứng tiền theo Công văn số: 48/CV ngày 27/4/2009, số tiền ứng trước theo Ủy nhiệm chi ngày 19/6/2009 và Ủy nhiệm chi ngày 20/4/2010, tổng cộng 149.703.000 đồng. Ngoài hai phiếu chi nêu trên, Công ty không có chứng cứ chứng minh đã thanh toán đủ tiền xây dựng cho ông T.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của Công ty TS, Công ty TS phải thanh toán cho ông T giá trị còn lại của các hạng mục hạ tầng do ông T xây dựng, tổng cộng: 485.171.100 đồng - 149.703.000 đồng đã tạm ứng theo hai ủy nhiệm chi nêu trên, còn phải thanh toán 335.467.700 (ba trăm ba lăm triệu, bốn trăm sáu bảy nghìn, bảy trăm đồng).

[5] Xét, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đối với bản án sơ thẩm về các nội dung: Tính án phí sau khi đã bù trừ nghĩa vụ giữa nguyên đơn và bị đơn; Về tính lãi suất chậm thi hành án theo Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005; Về đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Các nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát là đúng căn cứ pháp luật. do đó, chấp nhận toàn bộ kháng nghị ngày 31/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H. Sửa bản án sơ thẩm về các nội dung trên.

[6] Do sửa án sơ thẩm về nội dung nên sửa về án phí như sau:

- Công ty TS phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho ông T 335.467.700 đồng và trên số tiền lãi không được chấp nhận là 181.393.327 đồng, án phí là 25.843.000 đồng.

- Ông Lê Phú T phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Công ty TS là 390.093.176 đồng và trên số tiền yêu cầu nhưng không được chấp nhận là 348.532.300 đồng, án phí là 36.931.270 đồng.

- Công ty TS, ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định giá tổng cộng 12.000.000 đồng do ông T đã tạm nộp. Mỗi đương sự phải chịu 6.000.000 đồng chi phí thẩm định giá. Công ty TS phải thanh toán cho ông T 6.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 148, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí tòa án ngày 27/02/2009;

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 372/2017/DS-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân quận TB.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS: Buộc ông Lê Phú T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS tiền vốn 390.093.176đ (Ba trăm chín mươi triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, một trăm bảy mươi sáu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS về yêu cầu ông Lê Phú T phải thanh toán tiền lãi.

4. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Phú T về yêu cầu Công ty TS thanh toán 292.500.000 đồng do khai thác, hưởng lợi từ cơ sở hạ tầng do ông T đầu tư.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Phú T: Buộc Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS thanh toán cho ông Lê Phú T 335.467.700 (ba trăm ba lăm triệu, bốn trăm sáu bảy nghìn, bảy trăm đồng) tiền xây dựng cơ sở hạ tầng.

Các đương sự thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành án trả tiền, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

7. Về án phí.

7.1. Ông Lê Phú T phải chịu án phí sơ thẩm là 36.931.273 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 07426 ngày 29/8/2014 và 15.765.600 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0005607 ngày 23/3/2016 và 10.000.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 07326 ngày 11/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB, ông T còn phải nộp 7.415.670đ (Bảy triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng)

- Ông T không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho ông T 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp theo Biên lai số 06718 ngày 11/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận TB.

7.2. Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS phải chịu án phí sơ thẩm 25.843.000đ (hai mươi lăm triệu, tám trăm bốn ba nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp 12.663.182 đồng theo Biên lai số 06689 ngày 29/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB. Còn phải nộp 13.179.869đ (Mười ba triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi chín đồng).

- Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu TS không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho Công ty TS 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp theo Biên lai số 06674 ngày 04/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB.

8. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định tổng cộng 12.000.000 đồng do ông T đã tạm nộp. Mỗi đương sự phải chịu 6.000.000 đồng chi phí giám định. Công ty TS phải thanh toán cho ông T 6.000.000đ (sáu triệu đồng)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Tp.H;
- Tòa án nhân dân quận TB;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. H;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận TB;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Trí